

XUẤT KHẨU GIÀY DÉP SANG EU

Hội phục

TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM

THÁNG 11
2023

Đơn vị thực hiện:

VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội



024. 22 205 420 - 024. 22 202 245



wto_mtpd@moit.gov.vn



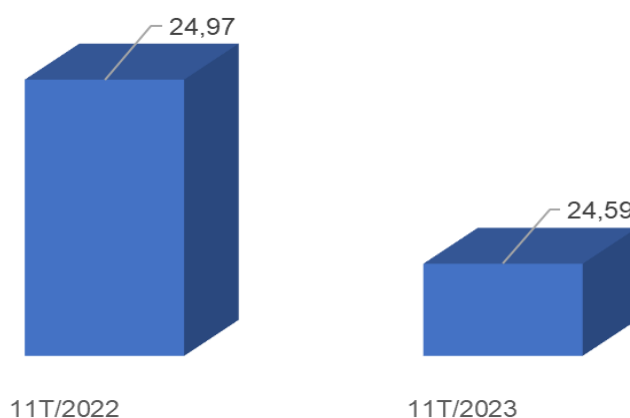
<https://fta.gov.vn>

Theo số liệu của Tổng cục hải quan, kim ngạch xuất khẩu giày dép sang EU tháng 11/2023 tăng khoảng 20,74% so với tháng 10/2023 và tăng 2,75% so với tháng 11/2022 nhưng tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang EU 11 tháng năm 2023 vẫn giảm 17,89% so với cùng kỳ năm ngoái.

Mặc dù Hiệp định EVFTA đang góp phần hỗ trợ thúc đẩy xuất khẩu giày dép tại khu vực thị trường EU nhưng khi hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm, xuất khẩu giày dép năm 2023 vẫn gặp nhiều khó khăn. Ước tổng trị giá xuất khẩu giày dép sang EU cả năm nay sẽ đạt 4,93 tỷ USD, ước giảm 17,58% so với năm trước.

Từ đầu năm 2023, lạm phát tại EU tăng cao tác động trực tiếp đến chi tiêu của người tiêu dùng, giảm chi phí đối với nhiều mặt hàng không thiết yếu như giày dép. Tỷ trọng về trị giá xuất khẩu giày dép sang EU trong tổng trị giá xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam 11 tháng năm 2023 giảm so với cùng kỳ năm ngoái.

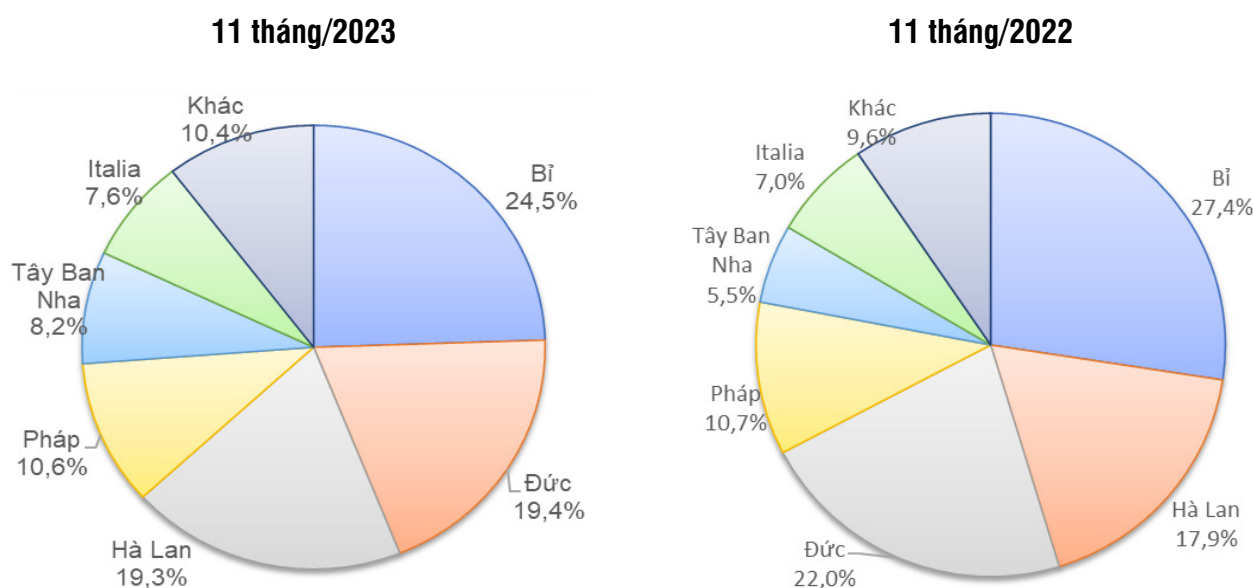
Tỷ trọng xuất khẩu giày dép sang EU trên tổng xuất khẩu giày dép của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2022-2023 (% theo trị giá)



Nguồn: Thống kê từ số liệu hải quan

Trong cơ cấu các thị trường xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang EU, Bỉ vẫn luôn là thị trường lớn nhất. Kim ngạch xuất khẩu giày dép sang thị trường này 11 tháng năm nay giảm 26,67% so với cùng kỳ năm 2022, đạt gần 1,11 tỷ USD.

Cơ cấu các thị trường xuất khẩu giày dép sang EU (% theo trị giá)



Nguồn: Thống kê từ số liệu hải quan

Ngược lại xu thế giảm chung như 4 thị trường lớn là Bỉ, Hà Lan, Đức và Pháp, xuất khẩu giày dép sang Tây Ban Nha 11 tháng năm nay tăng 22,07% so với cùng kỳ năm ngoái. Đặc biệt, trong các thị trường nhỏ trong khối EU có trị giá xuất khẩu mặt hàng thấp, thị trường Bungari xu hướng tăng mạnh. Tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sang Bungari 11 tháng năm 2023 dù chỉ chiếm 0,25% tổng kim ngạch xuất khẩu giày dép sang EU nhưng tăng đến 121,68% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch xuất khẩu giày dép sang các thị trường khối EU tháng 11/2023 và 11T/2023

Thị trường	T11/2023 (nghìn USD)	11T/2023 (nghìn USD)	So sánh (%)		
			So T10/2023	So T11/2022	So 11T/2022
EU	548.421	4.518.859	20,74	2,75	-17,89
Bỉ	107.345	1.106.381	-8,82	-20,38	-26,67
Hà Lan	91.484	871.468	0,18	-8,39	-11,34
Đức	109.987	878.737	13,32	3,87	-27,52
Pháp	41.274	479.229	15,75	-19,47	-18,33
Tây Ban Nha	32.711	369.194	-1,17	-11,79	22,07
Italia	46.177	341.995	39,38	-0,08	-10,96
Luxembua	10.152	72.888	101,81	20,56	11,48
CH Séc	31.242	89.797	255,55	214,05	5,55
Ba Lan	11.185	63.242	44,96	52,26	9,89

Thị trường	T11/2023 (nghìn USD)	11T/2023 (nghìn USD)	So sánh (%)		
			So T10/2023	So T11/2022	So 11T/2022
Thụy Điển	8.494	50.476	80,10	13,19	-47,49
Áo	2.605	27.106	82,63	37,48	13,72
Slovenia	24.372	45.894	480,59	126,05	-48,52
Hy Lạp	1.450	21.201	-34,86	-26,33	-15,56
Đan Mạch	4.612	21.849	38,40	-0,87	-31,94
Rumani	10.248	24.158	223,09	480,15	102,37
Bungari	2.189	11.310	43,34	498,04	121,68
Manta	296	7.511	-56,07	-64,28	3,37
Látvia	4.305	10.492	234,63	747,41	150,01
Ai Len	1.484	7.572	151,44	353,62	15,67
Slovakia	1.348	4.492	139,67	180,67	38,59
Phần Lan	281	2.905	2,35	-66,46	-59,64
Bồ Đào Nha	59	2.360	-47,03	-68,15	-9,53
Síp	0	1.969	-100,00	-100,00	11,70
Hungary	846	2.223	123,40	114,29	57,95
Lithuania	4.275	4.410	4.410,72		

Nguồn: Thống kê từ số liệu hải quan

Trong các chủng hàng giày dép xuất khẩu sang EU, nhóm hàng có mã HS 640.399 là chủng hàng vừa có trị giá xuất khẩu cao vừa có xu hướng tăng. Tổng kim ngạch xuất khẩu của chủng hàng 11 tháng năm 2023 tăng 10,75% so với 11 tháng năm 2022, được xuất sang 24 thị trường trong khối EU.

Đặc biệt, xuất khẩu các loại giày dép khác cổ cao quá mắt cá chân, có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa trừ giày không thấm nước mã HS 640219 có tốc độ tăng trưởng khá cao. Tổng kim ngạch xuất khẩu chủng hàng trong 11 tháng năm 2023 tăng 47,28% so với 11 tháng năm 2022.

Một số chủng hàng giày dép có trị giá xuất khẩu lớn sang EU trong 11 tháng đầu năm 2023

Mã HS	Mô tả	T11/2023 (nghìn USD)	11T/2023 (nghìn USD)	So sánh (%)	
				So T10/2023	So 11T/2022
640.411	Giày dép thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày luyện tập và các loại tương tự	171.555,71	1.259.491	37,10	-19,10
640.399	Giày dép có đế ngoài bằng cao su, nhựa, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ bằng da thuộc trừ loại cổ cao quá mắt cá chân	169.821,44	1.098.469	39,56	10,75
640.419	Giày dép có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ bằng vật liệu dệt trừ giày dép thể thao	133.108,18	825.808	46,60	-21,89
640.299	Giày dép có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa trừ loại cổ cao quá mắt cá chân	90.536,78	663.373	29,72	7,11
640.391	Boots, đế cao su hoặc nhựa trên da, nes	20.638,96	391.039	0,00	-15,67
640.291	Giày cổ cao quá mắt cá chân	10.069,01	122.308	11,12	-14,66
640.219	Giày dép khác cổ cao quá mắt cá chân, có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa trừ giày không thấm nước	12.366,47	112.344	33,39	47,28
640.319	Giày, dép thể thao (trừ giày trượt tuyết) Loại khác, có đế ngoài bằng cao su, plastic, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da	4.798,64	31.431	113,52	-23,63
640.590	Giày dép có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa, có mũ giày không phải bằng cao su, nhựa, da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng da thuộc hoặc da tổng hợp, có mũ giày không phải da hoặc vật liệu dệt; giày dép có hình chữ S bên ngoài	1.152,30	22.540	39,12	118,00
640.212	Ủng trượt tuyết, giày trượt tuyết	29,88	16.862	-86,78	64,08
640.340	Giày dép khác, kết hợp với một mũi giày kim loại bảo vệ	1.543,32	11.718	29,26	5,62
640.520	Giày, dép khác, có mũ bằng vật liệu dệt	25,84	4.569	-81,87	-43,83
640.359	Giày, dép, có đế ngoài và mũ giày bằng da thuộc Loại khác, không che mắt cá chân	490,42	3.967	0,00	27,45
640.510	Giày dép có mũ bằng da thuộc hoặc da tổng hợp (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da thuộc, giày chính hình và giày đồ chơi)	95,55	2.586	-41,35	-0,72
640.192	Giày dép; không thấm nước, che mắt cá chân (nhưng không che đầu gối), đế ngoài và mũ giày bằng cao su hoặc nhựa (không được lắp ráp bằng khâu, đinh tán, đinh, vít, phích cắm hoặc tương tự)	548,71	2.868	229,38	-41,95
640.351	Giày, dép, có đế ngoài và mũ giày bằng da khác, dài đến mắt cá chân		1.712		184,93
640.220	Giày, dép, cao su, nhựa, dây buộc vào đế bằng nút	51,40	1.008	-51,28	-17,36

Mã HS	Mô tả	T11/2023 (nghìn USD)	11T/2023 (nghìn USD)	So sánh (%)	
				So T10/2023	So 11T/2022
640.199	Giày chống nước (Wellington) không có mũi, nes	3,62	895	7,81	9,75
640.420	Giày dép, có đế ngoài bằng da thuộc hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng vật liệu dệt	-2,52	231	-192,33	-4,40
640.312	Giày trượt tuyết, ván trượt tuyết		73		37,33
640.320	Giày, dép có đế ngoài bằng da, có quai da ở mu bàn chân và quanh ngón chân cái		62		5.580,88

Nguồn: Thống kê từ số liệu hải quan